



Quản lý đất đai bền vững trong bối cảnh thích ứng với EUDR cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

NGUYỄN BÁ LONG¹, XUÂN THỊ THU THẢO¹, PHẠM THANH QUẾ¹, NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG¹, HỒ VĂN HÓA¹, TRẦN THU HÀ¹, NGUYỄN THỊ HẢI¹, NGUYỄN THỊ BÍCH¹, NGÔ THỊ DINH¹

¹Viện Quản lý đất đai và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Lâm nghiệp

Tóm tắt

Quy định chống mất rừng của EU (EUDR) đặt ra yêu cầu cấp thiết về cải thiện quản lý đất đai bền vững tại Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam được xếp vào nhóm "rủi ro thấp", tuy nhiên việc thực thi vẫn gặp thách thức lớn do Hệ thống pháp luật đất đai - lâm nghiệp chồng chéo, dữ liệu phân tán, thiếu bản đồ ranh giới thống nhất (snapshot 2020). Nghiên cứu khẳng định cải cách quản lý đất đai là nền tảng cốt lõi. Các giải pháp đề xuất tập trung vào việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất - rừng thống nhất, hoàn thiện khung pháp lý và ứng dụng chuyển đổi số. Thích ứng thành công với EUDR sẽ là động lực để Việt Nam cải cách quản lý đất đai theo hướng minh bạch, số hóa, thúc đẩy sinh kế và xuất khẩu sản phẩm nông - lâm nghiệp bền vững.

Từ khóa: EUDR, quản lý đất đai bền vững, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, không gây mất rừng.

JEL Classifications: Q52, Q53, Q55.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quản lý đất đai luôn được coi là nền tảng của phát triển bền vững. Ở Việt Nam, đất đai không chỉ là tư liệu sản xuất đặc biệt mà còn là không gian sinh thái, văn hóa và nguồn lực để thực hiện các cam kết quốc tế về khí hậu, đa dạng sinh học.

Trong bối cảnh toàn cầu đang siết chặt các quy định nghiêm ngặt về sản xuất không gây mất rừng, điển hình là Quy định Chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR - European Union Deforestation Regulation), cùng với sự hình thành và phát triển nhanh của thị trường các-bon, yêu cầu cải thiện quản lý đất đai trở thành một nhiệm vụ cấp thiết. EUDR được ban hành vào năm 2023, yêu cầu các sản phẩm nhập khẩu vào thị trường EU (như gỗ, cà phê, ca cao, cao su, dầu cọ, đậu nành, thịt bò...) phải chứng minh không liên quan đến mất rừng hoặc suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020 [1]. Mục tiêu của EUDR nhằm ngăn chặn việc hàng hóa nhập khẩu vào EU gây mất rừng hoặc suy thoái rừng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ đa dạng sinh học toàn cầu. Như vậy, EUDR không chỉ đặt trách nhiệm lên doanh nghiệp xuất khẩu, mà còn đòi hỏi cả chuỗi quản lý đất đai, sản xuất, thương mại và khoa học - công nghệ cùng tham gia. Với những nỗ lực đồng bộ từ Chính phủ đến doanh nghiệp, Việt Nam được xếp vào nhóm "rủi ro thấp", đồng nghĩa với việc các sản phẩm như gỗ, cao su và cà phê xuất khẩu sang EU sẽ chỉ cần thực hiện quy trình thẩm định đơn giản hơn, với tỷ lệ kiểm tra hậu kiểm chỉ 1% [3]. Đây là kết quả đáng ghi nhận, không chỉ giúp giảm gánh nặng tuân thủ cho doanh nghiệp mà còn nâng cao vị thế

và năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường xuất khẩu lâm sản toàn cầu. Việt Nam thể hiện cam kết mạnh mẽ với các sáng kiến quốc tế về quản lý và bảo vệ rừng, chủ động chuẩn bị để thích ứng với EUDR. Tuy nhiên, để thực hiện theo EUDR Việt nam đồng bộ Luật Đất đai năm 2024 và Luật Lâm nghiệp năm 2017 về diện tích rừng, doanh nghiệp phải thiết lập hồ sơ chứng minh nguồn gốc đất minh bạch, lưu giữ ít nhất một trong những loại giấy tờ trên để vượt qua thẩm tra EUDR, nông hộ cần hỗ trợ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ), tránh tình trạng sản xuất "không giấy tờ" dẫn đến bị loại khỏi chuỗi cung ứng xuất khẩu sang EU.

Bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa quản lý đất đai, khuôn khổ pháp lý sản xuất không gây mất rừng. Qua đó, đề xuất một số giải pháp chính sách và quản trị nhằm giúp Việt Nam vừa bảo vệ tài nguyên rừng, vừa gia tăng năng lực cạnh tranh, xuất khẩu nông nghiệp bền vững và cơ hội tiếp cận các nguồn lực tài chính khí hậu toàn cầu.

2. KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ QUỐC TẾ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA THỰC HIỆN EUDR ĐẾN CÁC NGÀNH HÀNG CỦA VIỆT NAM

2.1. Yêu cầu Quản lý đất đai từ quy định EUDR

EUDR có hiệu lực từ ngày 29/6/2023, áp dụng bắt buộc với doanh nghiệp lớn từ 30/12/2025, doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) thành lập trước 31/12/2020 áp dụng từ 30/6/2026 theo quyết định Liên minh châu Âu về hoãn 12 tháng việc áp dụng bắt buộc để các bên có thêm thời gian chuẩn bị [4]. EUDR quy định ba bước thẩm định bắt buộc theo quy định thu thập



Trong bối cảnh toàn cầu đang siết chặt các quy định nghiêm ngặt về sản xuất không gây mất rừng thì yêu cầu cải thiện quản trị đất đai trở thành một nhiệm vụ cấp thiết

thông tin, đánh giá rủi ro - giảm thiểu rủi ro (điều 8-11 của EUDR). Điều này cho thấy, EUDR không chỉ yêu cầu minh bạch tọa độ địa lý mà còn yêu cầu cơ chế quản trị rủi ro. Khái niệm “rủi ro không đáng kể - low risk” được quy định là cơ sở để đơn giản hóa thủ tục đối với quốc gia “low risk” như Việt Nam. EUDR đặt ra ba trụ cột tuân thủ:

(1) Doanh nghiệp nhập khẩu, kinh doanh các sản phẩm nằm trong danh mục (gỗ, cà phê, cao su, ca cao, đậu nành, dầu cọ, thịt bò và sản phẩm liên quan) phải chứng minh sản phẩm không liên quan đến mất rừng/suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020.

(2) Thực hiện trách nhiệm giải trình (Due Diligence) với minh chứng tọa độ địa lý, truy xuất nguồn gốc. Doanh nghiệp phải thu thập, đánh giá và lưu trữ thông tin về chuỗi cung ứng, trong đó yếu tố cốt lõi là tính hợp pháp của quyền sử dụng đất tại nơi sản xuất. Đất sử dụng để trồng, chăn nuôi, khai thác phải có quyền sử dụng hợp pháp, không lấn chiếm rừng, không tranh chấp, không chuyển mục đích trái phép.

(3) Tuân thủ pháp luật quốc gia sản xuất. Điểm nhấn của EUDR là yêu cầu truy xuất nguồn gốc tới lô đất sản xuất (plot-level traceability). Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về hệ thống thông tin đất đai minh bạch, chính xác và khả năng kiểm chứng tọa độ địa lý đối với Việt Nam – quốc gia có hơn 1,2 triệu hộ nông dân trồng cà phê [5]. Vì vậy, việc đảm bảo hồ sơ pháp lý về quyền sử dụng đất và giải quyết tranh chấp đất

đai trở thành điều kiện tiên quyết. Phạm vi áp dụng của EUDR cho 7 mặt hàng chính có nguy cơ gây mất rừng, bao gồm các sản phẩm dẫn xuất như giấy, đồ nội thất, chocolate... Theo đó, ngành cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su là ba ngành chịu tác động lớn nhất tại Việt Nam [4].

2.2. Tác động của thực hiện EUDR tới một số ngành hàng của Việt Nam

2.2.1. Tác động đến ngành gỗ Việt Nam

• Hiện trạng

Tổng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (W&WP) của Việt Nam năm 2024 khoảng 16,3 tỷ USD, trong đó xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang EU trị giá khoảng 580,5 triệu USD, chủ yếu là đồ gỗ nội thất [6].

• Thách thức

Yêu cầu truy xuất nguồn gốc đến từng lô khai thác/ diện tích rừng trồng. Khả năng phân biệt giữa gỗ rừng trồng và gỗ tự nhiên. Chi phí tuân thủ, kiểm chứng độc lập, rủi ro bị loại khỏi thị trường EU.

• Cơ hội

Thúc đẩy hoàn thiện Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp VNTLAS (trong Hiệp định VPA/FLEGT với EU). Nâng cao uy tín đồ gỗ Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

2.2.2. Tác động đến ngành cà phê Việt Nam

• Hiện trạng

Năm 2024 đánh dấu lần đầu tiên giá cà phê Việt Nam cao nhất thế giới. Tổng kim ngạch xuất khẩu cà



phê cả nước vượt mốc 5 tỷ USD, đạt mức cao nhất từ trước đến nay, dù khối lượng xuất khẩu giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua. Năm 2024, xuất khẩu cà phê sang thị trường EU tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu, chiếm 38,4% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 2,16 tỷ USD, tăng 45,6% so với năm 2023 [6]. Giá tăng mạnh là yếu tố chính làm giá trị xuất khẩu cà phê sang EU tăng, mặc dù khối lượng đôi khi giữ nguyên hoặc giảm nhẹ. EU vẫn là thị trường lớn và quan trọng của cà phê Việt Nam, dẫn đầu về nhu cầu, đặc biệt cho Robusta.

• *Thách thức*

- Truy xuất tọa độ nông hộ nhỏ lẻ (khoảng 600.000 hộ trồng cà phê với khoảng 700.000 ha đất canh tác [4]).

- Nguy cơ một số vùng sản xuất có nguồn gốc từ đất rừng chuyển đổi.

- Chi phí chứng nhận bền vững tăng.

• *Cơ hội*

- Thúc đẩy cà phê bền vững theo chuẩn quốc tế.

- Khuyến khích liên kết chuỗi giá trị, áp dụng công nghệ số trong truy xuất nguồn gốc.

2.2.3. Tác động đến ngành cao su Việt Nam

• *Hiện trạng*

Năm 2024, xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam đạt hơn 2 triệu tấn, với kim ngạch hơn 3,4 tỷ USD, giảm 6,2% về lượng nhưng tăng 18,2% về giá trị so với năm 2023 [6]. EU là thị trường lớn thứ 3 của Việt Nam đối với các mặt hàng cao su thiên nhiên và sản phẩm cao su. Năm 2024, Việt Nam xuất khẩu 627 triệu USD các mặt hàng này vào thị trường EU, tương đương 7,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành [7]. EU là thị trường chiến lược quan trọng, đặc biệt với các sản phẩm cao su có giá trị gia tăng cao như lốp xe, phần kỹ thuật, sản phẩm chế biến sản phẩm từ cao su.

• *Thách thức*

Trong bối cảnh thực thi EUDR, ngành cao su Việt Nam đối diện cả thách thức và cơ hội trong quản trị đất đai bền vững. Năm 2024 tổng diện tích trồng cao su của cả nước đạt gần 910 ngàn ha, trong đó diện tích cao su tiểu điền chiếm 54% [7] do các hộ nhỏ canh tác trên đất nông nghiệp, vườn tạp hoặc đất khai hoang, phần lớn đã sử dụng từ trước ngày 31/12/2020 nên ít rủi ro bị xem là vi phạm. Tuy nhiên, thách thức nổi bật là diện tích phân tán, hồ sơ địa chính chưa đầy đủ và chi phí truy xuất nguồn gốc, chứng chỉ quốc tế vượt khả năng hộ nhỏ. Mặc dù, đây lại là nguồn cung chủ lực cho xuất khẩu và nếu được hỗ trợ tốt có thể trở thành lợi thế “low risk” khi tiếp cận EU.

Ngược lại, diện tích cao su mới phát triển trên đất rừng chuyển đổi sau 2020 bị xếp vào nhóm “rủi ro cao”, khiến doanh nghiệp mua từ vùng này có thể bị

chặn hàng tại EU dù chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Điểm nghẽn lớn là thiếu dữ liệu pháp lý, bản đồ chuẩn để chứng minh nguồn gốc hợp pháp. Vì vậy, cần phân biệt rõ hai nhóm: cao su tiểu điền có thể chứng minh an toàn và diện tích trồng mới trên đất rừng phải áp dụng cơ chế đặc biệt. Giải pháp phù hợp là khuyến khích áp dụng chứng chỉ FSC cho tiểu điền theo mô hình nhóm, đồng thời xây dựng cơ chế phục hồi, bù đắp carbon cho diện tích rủi ro. Chính sách ưu tiên là bản đồ hóa “snapshot 2020” nhằm minh bạch dữ liệu đất đai, hỗ trợ FSC cho hộ nhỏ và thiết lập cơ chế chuyển tiếp hợp pháp cho diện tích cao su từ rừng chuyển đổi.

• *Cơ hội*

- Thúc đẩy áp dụng chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC cho rừng cao su).

- Cơ hội nâng tầm sản phẩm cao su chế biến sâu, có giá trị cao.

3. TÁC ĐỘNG EUDR CỦA ĐỐI VỚI QUẢN TRỊ ĐẤT ĐAI VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP

3.1. Thách thức về pháp lý và thể chế

Việt Nam đã chủ động dừng khai thác rừng tự nhiên từ 2014, ký kết Hiệp định VPA/FLEGT và xây dựng Hệ thống VNTLAS để quản lý tính hợp pháp của gỗ [1]. Đặc biệt, ngày 22/5/2025, Ủy ban châu Âu đã xếp Việt Nam vào nhóm “rủi ro thấp”, giúp giảm gánh nặng tuân thủ cho doanh nghiệp. Thách thức với Việt Nam hiện nay là:

- Hệ thống quản lý đất của các lâm trường quốc doanh còn chồng chéo, dẫn đến mâu thuẫn với hộ dân và cộng đồng.

- Chuỗi cung ứng dài, phức tạp, nhiều tầng nấc trung gian gây khó khăn cho việc truy xuất nguồn gốc.

- Năng lực số hóa cơ sở dữ liệu đất đai, đặc biệt là bản đồ ranh giới rừng, chưa đồng bộ giữa các cấp, việc lưu giữ cơ sở dữ liệu, bản giao tài liệu sau khi bỏ cấp huyện, hợp nhất các xã, phường theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp còn nhiều khó khăn. Nỗ lực tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai, quyền sử dụng rừng và đất rừng vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đang gặp nhiều thách thức về áp lực triển khai, đồng bộ dữ liệu.

- Đòi hỏi hệ thống dữ liệu không gian chính xác về rừng, đất nông nghiệp, diện tích trồng trọt.

- Sự sai lệch về số liệu hiện trạng rừng của Việt Nam (14,68 triệu ha năm 2020, tỷ lệ che phủ 42,01% [8]) và bản đồ GFC2020v2 của EU (18,03 triệu ha) ảnh hưởng đến việc chứng minh tuân thủ EUDR [2].

Việc thực thi EUDR làm nổi bật những bất cập trong hệ thống pháp luật đất đai - lâm nghiệp của Việt Nam. Luật Đất đai năm 2024 [10] và Luật Lâm nghiệp năm 2017 [9] vẫn còn chồng chéo trong định nghĩa, phân loại đất rừng - phân loại đất đai theo mục đích



sử dụng, cũng như thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng. Điều này dẫn đến sự thiếu nhất quán trong xác định trạng thái pháp lý của đất tại mốc 31/12/2020 - yếu tố then chốt để chứng minh tuân thủ EUDR. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các ngành lâm nghiệp, đất đai (nay đã cùng Bộ NN&MT) trong quản lý đất - rừng còn phân tán, chưa có đầu mối thống nhất hỗ trợ doanh nghiệp và nông dân khi thực hiện trách nhiệm giải trình (Due Diligence).

3.2. Thách thức về dữ liệu và công nghệ

EUDR yêu cầu truy xuất nguồn gốc đến từng lô đất (plot-level traceability), với minh chứng tuân thủ là tọa độ địa lý và bản đồ hiện trạng rừng “snapshot 2020” (bản đồ rừng tại thời điểm 31/12/2020). Tuy nhiên, hệ thống dữ liệu đất đai và rừng của Việt Nam hiện nay vẫn phân tán, chưa có cơ sở dữ liệu dùng chung: cadastre (hồ sơ địa chính) do ngành quản lý đất đai quản lý, còn bản đồ rừng và dữ liệu FORMIS do ngành lâm nghiệp quản lý; sai lệch giữa bản đồ quốc tế (GFC, Copernicus) và số liệu quốc gia [1], dẫn đến rủi ro theo EUDR. Năng lực số hóa còn hạn chế, hệ thống cảnh báo mất rừng và ứng dụng công nghệ blockchain, AI trong truy xuất mới ở giai đoạn thử nghiệm, chưa phổ biến trong chuỗi cung ứng [1].

3.3. Tác động tới hộ nông dân và chuỗi cung ứng

Trong chuỗi cung các mặt hàng nông lâm sản xuất khẩu của Việt Nam, nông hộ có vai trò quan trọng nhất khi ở vị trí đầu chuỗi. Hiện nay, Việt Nam có khoảng 2,25 triệu hộ nhỏ tham gia các chuỗi gỗ (1,4 triệu hộ gia đình), cà phê (trên 0,6 triệu hộ), cao su (gần 0,25 triệu hộ) [4], trong đó đa số chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc thiếu hồ sơ pháp lý đầy đủ. Điều này khiến họ gặp khó khăn khi phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp và “deforestation-free” theo yêu cầu của EU. Nguy cơ bị loại khỏi chuỗi giá trị là hiện hữu, nhất là đối với các hộ trồng cao su và cà phê phân tán từ rừng chuyển đổi. Chuỗi cung ứng hiện còn nhiều tầng nấc trung gian, thiếu cơ chế liên kết minh bạch, làm tăng chi phí và rủi ro cho cả hộ sản xuất và doanh nghiệp xuất khẩu.

4. QUẢN TRỊ ĐẤT ĐAI BỀN VỮNG - NỀN TẢNG ĐÁP ỨNG EUDR

4.1. Thực trạng quản trị đất lâm nghiệp ở Việt Nam

Hiện nay, khoảng 1,8 triệu ha đất vẫn do các công ty lâm nghiệp quản lý, trong đó có nhiều diện tích tranh chấp với hộ dân [4]. Tuy nhiên, hộ nông dân chiếm vị trí đầu chuỗi cung ứng, nắm giữ 1,8 triệu ha rừng trồng (chiếm 60% nguyên liệu gỗ rừng trồng), 700.000

Bảng 1. Tình hình quản lý, sử dụng đất của các Nông lâm trường quốc doanh, Tổng Công ty nông, lâm nghiệp từ trước năm 2004 đến năm 2024 [11]

STT	Chỉ tiêu	Trước 2004		2014		2024	
		682 công ty		642 công ty		242 công ty	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Tổng diện tích đất quản lý	5.637.574	100	7.916.366	100	1.847.242	100
B	Diện tích được nhà nước giao, cho thuê	4.971.787	88,2	7.599.580	96,0	1.847.242	100
C	Tự tổ chức sản xuất, quản lý	3.927.725	79,0	4.028.794	53,0	1.290.562	69,9
1	Giao khoán	991.663	19,9	1.564.319	20,6	410.841	22,2
2	Cho thuê, cho mượn	12.950	0,3	14.318	0,2	80.136,00	4,3
3	Tranh chấp, lấn chiếm	358.716	7,2	73.900	1,0	48.662	2,6
5	Liên doanh, liên kết	23.304	0,5	41.972	0,6	16.726	0,9
6	Chưa sử dụng	940.920	18,9	152.330	2,0	37.487	2,0
7	Diện tích được cấp giấy	1.561.761	27,7	3660429	48,2	913.455	49,4
D	Diện tích trả về địa phương	-	-	531.501	13,2	520.821	28,2



ha cà phê và 450.000 ha cao su. Bên cạnh đó, hệ thống cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa hoàn tất, nhiều diện tích thiếu hồ sơ pháp lý hoặc bản đồ ranh giới không rõ ràng (Bảng 1).

Các số liệu về tình hình quản lý, sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp giai đoạn 2004 - 2024 cho thấy, xu hướng sắp xếp lại cơ cấu nhằm nâng cao hiệu quả và minh bạch. Số lượng công ty và diện tích đất quản lý giảm mạnh, nhưng diện tích được Nhà nước giao, cho thuê và được cấp giấy chứng nhận lại tăng, phản ánh sự củng cố khung pháp lý. Việc giao khoán đất chiếm tỷ lệ cao và có xu hướng tăng, góp phần huy động sự tham gia của người dân trong sản xuất, song quyền của bên nhận khoán vẫn còn hạn chế so với giao đất trực tiếp. Tỷ lệ đất bỏ hoang, chưa sử dụng giảm rõ rệt, đi kèm với sự thu hẹp diện tích tranh chấp, lấn chiếm từ 7,2% xuống còn 2,6%, cho thấy quản trị đất đai ngày càng chặt chẽ. Những thay đổi này phù hợp với yêu cầu quản lý bền vững, giảm rủi ro xã hội và môi trường, đồng thời tạo nền tảng cho việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như EUDR về chống mất rừng, minh bạch chuỗi cung ứng và bảo đảm quyền lợi cộng đồng. Đây là bước tiến quan trọng, song vẫn cần hoàn thiện chính sách để gắn kết hơn nữa lợi ích doanh nghiệp - Nhà nước - người dân.

4.2. Hệ quả đối với EUDR

Dựa vào yêu cầu của EUDR, nếu không có hồ sơ đất đai minh bạch, hàng hóa khó chứng minh được tính hợp pháp và không gây mất rừng thì dẫn tới nguy cơ mất thị trường EU. Nếu quyền sử dụng đất của hộ và cộng đồng không được công nhận, họ sẽ khó tham gia thị trường carbon và hưởng lợi từ REDD+, tín chỉ carbon. Ngoài ra, quản trị đất đai yếu kém sẽ tạo ra rủi ro kép vừa vi phạm yêu cầu quốc tế, vừa làm gia tăng bất bình đẳng và mâu thuẫn xã hội.

4.3. Cơ hội từ cải cách quản trị đất đai

Theo Forest Trend (2024), Việt Nam có nhiều nỗ lực để thích ứng với EUDR [1]. Việt Nam đã dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên từ năm 2014 và có kinh nghiệm thực thi Quy chế gỗ EU (EUTR). Hiệp định Đối tác tự nguyện về thực thi Luật Lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại gỗ (VPA/FLEGT) với EU cùng Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS) là nền tảng pháp lý vững chắc cho tính hợp pháp của gỗ. Cục Lâm nghiệp đã ban hành Hướng dẫn tạm thời thực hiện EUDR (2/2025) và đang phối hợp với EU đánh giá bản đồ hiện trạng rừng do JRC công bố. EUDR đã được lồng ghép trong các chương trình lớn như REDD+, FLEGT, các cơ chế pháp lý sẵn có, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số và liên thông dữ liệu lâm nghiệp. Diện tích rừng có chứng chỉ quốc tế FSC, PEFC tăng nhanh,

đạt 664.912 ha vào năm 2024, thể hiện sự sẵn sàng của ngành lâm nghiệp trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững.

4.4. Giải pháp Quản trị đất đai bền vững để đáp ứng EUDR

4.4.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai - đất rừng thống nhất, chính xác có khả năng truy xuất tọa độ và minh bạch cho các chuỗi cung ứng

Xây dựng CSDL đất đai và lâm nghiệp, tích hợp FORMIS và CSDL đất đai đảm bảo ranh giới rừng và đất chuẩn hóa, trùng khớp, trong đó có bản đồ ranh giới (snapshot 31/12/2020) thể hiện hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng rừng tại thời điểm cố định - ngày 31/12/2020 cũng như phân định rõ ràng diện tích cao su tiểu điền và diện tích cao su từ rừng chuyển đổi trong cơ sở dữ liệu quốc gia dưới dạng bản đồ số có tọa độ chính xác. Đây là căn cứ pháp lý - kỹ thuật để chứng minh rằng một thửa đất, lô rừng, hay diện tích sản xuất nông - lâm sản đã tồn tại và không phải do phá rừng sau cut-off date mà EUDR quy định. Nếu có bản đồ snapshot, cơ quan quản lý và doanh nghiệp có thể so sánh quá khứ - hiện tại: diện tích cây trồng, rừng tự nhiên, đất sản xuất có thay đổi sau ngày 31/12/2020 hay không. Nếu không thay đổi, hàng hóa từ lô đất đó được xem là “deforestation-free”. Ngược lại, nếu không có snapshot, việc chứng minh nguồn gốc hợp pháp sẽ rất khó, vì EU có thể đối chiếu với dữ liệu vệ tinh toàn cầu (ví dụ Global Forest Change - GFC). Nếu phát hiện khác biệt, doanh nghiệp dễ bị coi là rủi ro cao. Snapshot 2020 là bằng chứng cốt lõi để đáp ứng yêu cầu “không gây mất rừng” của EUDR. Việc lưu giữ giúp giảm chi phí kiểm chứng cho doanh nghiệp, tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong cả nước, đồng thời bảo vệ nông hộ nhỏ khi cần chứng minh đất canh tác hợp pháp và không vi phạm sau mốc 31/12/2020.

Xây dựng cơ chế liên thông dữ liệu đất - rừng - dân cư, thiết lập một đầu mối thống nhất hỗ trợ doanh nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ due diligence.

4.4.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật đất đai - lâm nghiệp

- Giải quyết những chồng chéo giữa hai Luật (Luật Đất đai năm 2024 và Luật Lâm nghiệp năm 2017), bảo đảm quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng và doanh nghiệp được xác định rõ ràng; thống nhất hệ thống phân loại đất và phân loại rừng để phục vụ thuận lợi và giải quyết vướng mắc, bấp cập trong công tác kiểm kê đất đai và kiểm kê rừng, chênh lệch diện tích giữa các ngành (đất đai, lâm nghiệp).

- Ưu tiên hỗ trợ chứng chỉ FSC cho nhóm tiểu điền: thông qua dự án ODA, Quỹ bảo vệ phát triển rừng, hoặc cơ chế tín chỉ carbon. Mặc dù Hướng dẫn EUDR



nhấn mạnh chứng chỉ FSC, PEFC, RA... chỉ là công cụ hỗ trợ, không thay thế cho due diligence. Nền doanh nghiệp không phụ thuộc hoàn toàn vào chứng chỉ quốc tế [1].

- Xây dựng “Cơ chế chuyển tiếp” cho diện tích rừng chuyển đổi: yêu cầu bù đắp bằng trồng lại rừng hoặc tham gia thị trường carbon; sau khi khắc phục mới được phép tham gia chuỗi cung ứng EUDR.

- Tích hợp EUDR, FLEGT vào chiến lược quản trị đất đai quốc gia.

- Hỗ trợ nông hộ và doanh nghiệp nhỏ: đào tạo, cung cấp công cụ kỹ thuật và tài chính để đáp ứng EUDR, nghĩa vụ của thương nhân SME: không phải trực tiếp thực hiện due diligence nhưng phải lưu giữ, cung cấp thông tin để truy xuất nguồn gốc

- Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành: NN&MT, Tài chính, Công Thương, cùng chính quyền địa phương để quản lý đồng bộ đất – rừng – carbon.

4.4.3. Đầu tư vào chuyển đổi số quản lý đất đai và rừng

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số như GIS, Viễn thám, AI và blockchain trong việc giám sát biến động đất đai, cảnh báo mất rừng trực tuyến, và hỗ trợ truy xuất nguồn gốc.

4.4.4. Hỗ trợ hộ nông dân và Doanh nghiệp nhỏ

Giải pháp để hỗ trợ hộ nông dân và doanh nghiệp nhỏ là thực hiện hỗ trợ Chứng chỉ Nhóm. Ưu tiên hỗ trợ tài chính (qua ODA, Quỹ bảo vệ phát triển rừng) để nông hộ nhỏ áp dụng chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC/PEFC theo mô hình nhóm. Bên cạnh đó, cung cấp đào tạo, công cụ kỹ thuật và tài chính cho nông hộ và doanh nghiệp nhỏ (SME) trong việc lưu giữ hồ sơ sản xuất, hợp pháp hóa đất đai, và truy xuất nguồn gốc.

5. KẾT LUẬN

Quản trị đất đai không chỉ là một vấn đề nội bộ mà đã trở thành điều kiện tiên quyết để Việt Nam hội nhập và nâng cao vị thế trên thị trường quốc tế. EUDR mở ra cơ hội mới, nhưng cũng đặt ra yêu cầu khắt khe về minh bạch đất đai, giải quyết tranh chấp và bảo đảm tính hợp pháp trong sản xuất.

EUDR không chỉ là rào cản thương mại, mà còn là động lực để Việt Nam cải cách quản trị đất đai theo hướng minh bạch, số hóa và công bằng hơn, tạo cơ sở cho phát triển bền vững và hội nhập thị trường quốc tế.

Để thực hiện tốt cam kết EUDR, cần một hệ sinh thái quản trị đất đai – rừng minh bạch và đồng bộ, trong đó nhà nước đóng vai trò kiến tạo khung pháp lý và dữ liệu số, đặc biệt xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung kết hợp với website truy xuất nguồn gốc lô rừng minh bạch, doanh nghiệp là trung tâm thực hiện due

diligence, nông dân là người trực tiếp tuân thủ và các nhà khoa học và Tổ chức phi chính phủ (NGO) là lực lượng hỗ trợ công nghệ và giám sát.

Nếu tận dụng được cơ hội cải cách quản trị đất đai, hoàn thiện thể chế, chính sách đất đai và lâm nghiệp, ứng dụng chuyển đổi số, Việt Nam không chỉ đáp ứng các quy định quốc tế mà còn tạo ra nguồn lực mới từ xuất khẩu gỗ và các sản phẩm nông nghiệp khác, đóng góp cho mục tiêu phát triển sinh kế bền vững cho hàng triệu nông hộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. EU, 2025. Commission Notice - Guidance Document for Regulation (EU) 2023/1115 on Deforestation-Free Products. Official Journal of the European Union. Truy cập: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:52025XC04524>.
2. EU, 2025. Global Forest Mapping and Monitoring. Truy cập: <http://forest-observatory.ec.europa.eu/forest>
3. Lan Chi, 2025. Xếp hạng “rủi ro thấp” về phá rừng, hàn Việt vào EU thẩm định đơn giản hơn. Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Truy cập: <https://mae.gov.vn/xep-hang-rui-ro-thap-ve-pha-rung-hang-viet-vao-eu-tham-dinh-don-gian-hon-18427.htm>.
4. Forest Trend, 2024. Quy định chống gây mất rừng của EU (EUDR).
5. Thái Dương, 2024. Những yêu cầu của thị trường EU đối với nông sản Việt. Tạp chí Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam. Truy cập: <https://nongnghiepuuco.vn/nhung-yeu-cau-cua-thi-truong-eu-doi-voi-nong-san-viet-568.html>.
6. Cục Xuất nhập khẩu và Báo Công Thương - Bộ Công Thương, 2025. Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2024. Nhà xuất bản Công thương. Truy cập: https://trungtamwto.vn/file/23903/bao-cao-xnk-vn-2024-1534_compressed.pdf.
7. Chương Phượng, 2025. Cao su tiêu diễn trước yêu cầu mới của EU: Cơ hội nâng cấp chuỗi cung ứng bền vững. Tạp chí điện tử của Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam. Truy cập: <https://vneconomy.vn/cao-su-tieu-dien-truoc-yeu-cau-moi-cua-eu-co-hoi-nang-cap-chuoi-cung-ung-ben-vung.htm>.
8. Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/04/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020.
9. Quốc hội, 2017. Luật Lâm nghiệp 2017.
10. Quốc hội, 2024. Luật Đất đai 2024.
11. Viện Quản lý đất đai và Phát triển nông thôn (2024). Báo cáo Điều tra, đánh giá tình hình thực thi pháp luật nhằm hoàn thiện khung pháp lý trong quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường bàn giao về cho địa phương, Trường Đại học Lâm nghiệp, Hà Nội.